

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính
Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng;
Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng;
Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 02/TTr-QPTKHCN ngày 02 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. &

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- CV: CN, NL, TM;
- Lưu: VT, CN.

Bản ĐT

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

Quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 499 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động nghiệp vụ và công tác điều hành của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Quỹ); chế độ tài chính, kế toán, thống kê.

2. Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng kinh phí do Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và tham gia quản lý điều hành Quỹ.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ Quỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích, hiệu quả phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động quỹ

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 5,6 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ để tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và

chi hoạt động quản lý của Quỹ. Hàng năm Quỹ được cấp bổ sung vốn Điều lệ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để bảo đảm vốn hoạt động của Quỹ từ nguồn ngân sách ít nhất bằng 5,6 tỷ đồng;

b) Kinh phí ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp hàng năm thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

c) Nguồn ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý của Quỹ;

d) Các nguồn ngân sách khác.

2. Các nguồn vốn khác

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có);

b) Nhận uỷ thác của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và các tỉnh, thành phố khác;

c) Kinh phí được điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước do tỉnh trực tiếp quản lý;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận uỷ thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài nhà nước;

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận uỷ thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn

1. Vốn hoạt động của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và theo Quy chế này.

2. Mức chi, đối tượng chi, nội dung chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp được thực hiện theo quy định hiện hành về chi các nhiệm vụ KH&CN và hoạt động quản lý của Quỹ.

3. Việc chuyển nguồn vốn kết dư thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

Điều 6. Cấp và quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp nguồn kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (cấp cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý; kinh phí đối ứng của tỉnh cho thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh) về tài khoản dự toán của Quỹ mở tại Kho bạc nhà nước để Quỹ quản lý, sử dụng, cấp kinh phí theo quy định.

2. Đối tượng cấp kinh phí:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho tỉnh trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ cấp quốc gia được tỉnh bố trí vốn đối ứng thực hiện trên địa bàn tỉnh;

c) Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Hồ sơ và trình tự cấp kinh phí:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia giao cho tỉnh trực tiếp quản lý: Hồ sơ và trình tự cấp theo quy định của từng nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

b) Kinh phí đối ứng của tỉnh cho thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: Cấp theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm (cả nguồn kinh phí trung ương và của tỉnh), theo Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán của UBND tỉnh, theo Hợp đồng đã ký kết và theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Cấp lần đầu: Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán của UBND tỉnh; Thuyết minh nhiệm vụ được UBND tỉnh phê duyệt; Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa Sở KH&CN, Quỹ Phát triển KH&CN với tổ chức chủ trì (mức cấp theo văn bản hướng dẫn hiện hành);

- Những lần cấp tiếp theo: Công văn báo cáo kết quả giải ngân và các nội dung công việc đã triển khai của đợt tạm ứng trước đó và đề xuất mức tạm ứng đợt tiếp theo của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ (kèm theo Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện và Bảng kê tổng hợp danh mục các khoản thực chi); Bản xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Sở KH&CN; Bảng kê Khối lượng công việc đã thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết của Quỹ (mức cấp theo văn bản hướng dẫn hiện hành).

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Cấp theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, theo Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán, theo Hợp đồng đã ký kết và theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Hồ sơ đề nghị cấp gồm:

- Cấp lần đầu: Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán của Sở KH&CN; Thuyết minh nhiệm vụ được Sở KH&CN phê duyệt; Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa Sở KH&CN, Quỹ Phát triển KH&CN với tổ chức chủ trì (mức cấp theo văn bản hướng dẫn hiện hành);

- Những lần cấp tiếp theo: Công văn báo cáo kết quả giải ngân và các nội dung công việc đã triển khai của đợt tạm ứng trước đó và đề xuất mức tạm ứng đợt tiếp theo của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ (kèm theo Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện và Bảng kê tổng hợp danh mục các khoản thực chi); Bản xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Sở KH&CN; Bảng kê Khối lượng công việc đã thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết của Quỹ (mức cấp theo văn bản hướng dẫn hiện hành).

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Quỹ xem xét, thực hiện cấp kinh phí vào tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức có trụ sở chính.

4. Quyết toán kinh phí đã cấp:

a) Trình tự quyết toán:

- Đối với kinh phí cấp để thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này:

- + Cơ quan chủ trì nhiệm vụ thực hiện quyết toán kinh phí đã cấp với Quỹ. Việc quyết toán kinh phí thực hiện một lần sau khi nhiệm vụ kết thúc và được Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu (hoặc có quyết định dừng thực hiện đối với nhiệm vụ không hoàn thành và dừng thực hiện) và có Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

- + Thành phần tham gia quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm: Đại diện Quỹ; đại diện phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Quỹ thực hiện quyết toán kinh phí đã cấp với Sở Tài chính:

- + Hàng năm, Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu và quyết toán kinh phí đã cấp và quyết toán với Sở Tài chính nguồn kinh phí cấp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành;

- + Thành phần tham gia quyết toán gồm: Đại diện Quỹ, đại diện phòng chuyên môn Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ (nếu cần) để giải trình những vướng mắc.

b) Hồ sơ quyết toán:

- Hồ sơ quyết toán giữa Quỹ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ đối với kinh phí cấp thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này:

+ Quyết định phê duyệt, Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, Thuyết minh được phê duyệt;

+ Báo cáo chi tiết kinh phí đề tài, dự án - Mẫu F01-02/BCQT (theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính);

+ Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng;

+ Bảng kê tổng hợp danh mục các khoản thực chi và toàn bộ hồ sơ, chứng từ thanh toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Biên bản nghiệm thu, đánh giá nhiệm vụ hoặc quyết định dừng thực hiện, thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện và thu hồi kinh phí;

+ Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị quyết toán kinh phí của tổ chức chủ trì, Quỹ thực hiện việc quyết toán kinh phí.

- Hồ sơ quyết toán giữa Quỹ với Sở Tài chính: Các nhiệm vụ thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này, hồ sơ quyết toán theo văn bản hướng dẫn hiện hành.

5. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 7. Hoạt động tài trợ của Quỹ

1. Đối tượng tài trợ: Theo Điều 13 Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc, thủ tục tài trợ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ thành lập các Hội đồng KH&CN để xét chọn nhiệm vụ KH&CN được tài trợ và đề xuất mức tài trợ đối với từng nhiệm vụ. Việc xét chọn phải được thực hiện theo đúng quy định;

b) Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý Quỹ được quyền điều chỉnh mức vốn tài trợ để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc tài trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, vốn tài trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện của nhiệm vụ. Nội dung của nhiệm vụ KH&CN do Quỹ tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của nhà nước;

d) Quy trình và thủ tục tài trợ thực hiện theo mẫu quy định của Quỹ ban hành.

3. Mức tài trợ: Mức tài trợ cho một nhiệm vụ KH&CN tối đa không quá 200 triệu đồng.

4. Xử lý sai phạm: Tổ chức, cá nhân sử dụng vốn không đúng mục đích, nếu phát hiện sai phạm, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ thu hồi vốn tài trợ và tùy theo mức độ sai phạm, các tổ chức, cá nhân sẽ chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hoạt động cho vay và bảo lãnh vốn vay của Quỹ

1. Đối tượng cho vay: Theo Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 14 Điều lệ Quỹ.

2. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: Bảo lãnh vốn vay cho các dự án KH&CN do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Quỹ cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi các dự án KH&CN của tỉnh.

a) Cho vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Cho vay với lãi suất thấp (*bằng 50 - 70 % lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ*) đối với các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

Mức lãi suất cụ thể từng năm giao Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả, các đối tượng vay vốn phải đảm bảo các yêu cầu:

a) Đúng đối tượng, tuân theo quy định cho vay vốn của Quỹ và các quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch;

c) Quỹ cho vay để thực hiện dự án KH&CN không thuộc các chương trình, đề tài, dự án KH&CN trong kế hoạch của nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay;

d) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng;

đ) Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

5. Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Mức cho vay đối với một dự án tối đa bằng 70% tổng giá trị của dự án đã được Quỹ thẩm định, nhưng không vượt quá 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng).

a) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

b) Lãi suất vay:

- Cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

- Mức lãi suất cho vay là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

c) Bảo đảm tiền vay:

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

6. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro

a) Hàng năm, Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh..., để giảm trừ tổn thất;

b) Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro được xác định bằng 0,6%/năm tính trên tổng dư nợ thực tế cuối năm;

c) Khoản trích lập quỹ dự phòng rủi ro được tính vào chi phí của Quỹ. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang năm tiếp theo. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định;

d) Thời điểm trích lập quỹ dự phòng rủi ro là cuối kỳ kế toán năm.

7. Xử lý sai phạm đối với trường hợp cho vay: Đối với các dự án được cho vay sử dụng kinh phí sai mục đích, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thu hồi kinh phí cho vay và tùy theo mức độ sai phạm, các tổ chức, cá nhân sẽ chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

8. Hình thức thu hồi vốn vay: Việc thanh toán nợ vay được thực hiện ngay khi kết thúc thời hạn vay. Việc trả lãi vay thực hiện hàng quý, bắt đầu từ khi hợp đồng vay có hiệu lực.

9. Quỹ thực hiện bảo lãnh vốn vay cho các dự án KH&CN như sau:

a) Điều kiện bảo lãnh vốn vay:

- Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ;

- Có phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay và có tài sản đảm bảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

b) Mức bảo lãnh không vượt quá vốn vay.

c) Thời hạn bảo lãnh vay vốn được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

d) Chủ dự án bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

10. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay được Quỹ thực hiện thông qua hình thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng. Quỹ chịu trách nhiệm về việc lựa chọn đối tượng, tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh vốn vay theo các tiêu chí khoa học và công nghệ, xác định mục đích sử dụng vốn, quy định về mức lãi suất được áp dụng. Bên nhận ủy thác có quyền về quyết định tín dụng, thực hiện các nghiệp vụ và chịu rủi ro tín dụng.

Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

11. Lãi suất đối với các trường hợp nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Không được vay vốn thực hiện dự án tiếp theo khi chưa trả hết nợ vay.

Điều 9. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Đối tượng hỗ trợ: Theo khoản 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ.

2. Quỹ hỗ trợ các hoạt động:

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại tỉnh. Đối với chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo được hỗ trợ chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi) và một phần chi phí ăn, nghỉ, trong thời gian tổ chức hội thảo;

b) Tham dự và trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài được hỗ trợ chi phí tham dự hội thảo gồm chi phí đi lại, ăn, nghỉ trong thời gian dự hội nghị, hội thảo;

c) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

d) Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;

đ) Hỗ trợ chi phí xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn là kết quả của đề tài, dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ;

e) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh theo văn bản quy định hiện hành của Chính phủ về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

g) Các nhiệm vụ hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ khác được Chủ tịch UBND tỉnh giao.

3. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

4. Giám đốc Quỹ xây dựng Kế hoạch và dự toán hỗ trợ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN và kinh phí do Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay; phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ cho hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban kiểm soát Quỹ.

4. Ban hành các quy định cụ thể về hồ sơ, tiêu chí đánh giá, xét chọn nhiệm vụ KH&CN được Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay từ nguồn vốn của Quỹ.

5. Quy định mức lãi suất làm cơ sở để Cơ quan điều hành Quỹ cho vay trong từng thời kỳ, đảm bảo lãi suất cho vay thấp hơn mức lãi suất cho vay thương mại.

6. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

2. Xem xét trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ

1. Thực hiện cấp kinh phí và thanh quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Xem xét, tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, trình Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ theo quy định.

3. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng KH&CN thẩm định, đánh giá, xét chọn các nhiệm vụ KH&CN, trên cơ sở đó trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với từng nhiệm vụ KH&CN cụ thể theo quy định.

4. Căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, cơ quan điều hành Quỹ ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay theo quy định.

5. Ủy thác cho tổ chức tín dụng ký Hợp đồng cho vay, bảo lãnh vốn vay theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ đối với từng khoản vay.

6. Phối hợp với tổ chức tín dụng theo dõi, thu hồi các khoản vốn vay, lãi vay đúng hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

7. Trình Hội đồng quản lý Quỹ biện pháp xử lý các vi phạm hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay.

8. Chuyển giao các kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN từ nguồn vốn của Quỹ cho Sở KH&CN.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay

1. Thực hiện đầy đủ các cam kết ghi trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan. Huy động đủ các nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng, đúng chế độ tiêu chuẩn; định kỳ báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

3. Tổ chức, cá nhân được tài trợ, hỗ trợ, vay vốn của Quỹ thực hiện thanh quyết toán trực tiếp với cơ quan điều hành Quỹ theo đúng quy định.

Điều 14. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Kinh phí cấp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, việc xử lý rủi ro theo quy định quản lý của từng loại nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Nhiệm vụ KH&CN được tài trợ, vay vốn, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (tổ chức chủ trì bị phá sản, chủ nhiệm dự án qua đời hoặc mất tích, công trình nghiên cứu bị ảnh hưởng thiên tai, lụt bão, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác...) không thể hoàn trả được đầy đủ, đúng hạn vốn đã vay, nhận tài trợ, trong trường hợp này tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo kịp thời với Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản (kèm theo hồ sơ liên quan như: Quyết định công bố phá sản Doanh nghiệp, giấy chứng tử, xác nhận mất tích của chính quyền địa phương, xác nhận của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan phòng chống lụt bão về thiệt hại của dự án). Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra xác nhận hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn thời hạn cho vay của các nhiệm vụ KH&CN;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm vốn thu hồi, miễn, giảm lãi cho vay đối với các nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xóa nợ gốc cho vay đối với các nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản lý Quỹ;

d) Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quỹ phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện xử lý rủi ro.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 15. Nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ

1. Ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên theo dự toán hàng năm của Quỹ.

2. Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ

a) Thu lãi cho vay, phí quản lý từ các dự án vay vốn của Quỹ; thu từ các hoạt động bảo lãnh vốn vay, thu từ các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ; thu từ hoạt động nghiệp vụ khác;

b) Thu từ hoạt động tài chính: thu lãi tiền gửi; các khoản thu từ dịch vụ tài chính khác;

c) Thu từ hoạt động khác: Các khoản thu phạt; thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán) theo quy định hiện hành; thu nợ đã xoá nay thu hồi được; các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 16. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ

1. Chi hoạt động thường xuyên cho bộ máy quản lý, gồm: Chi lương, phụ cấp lương, tiền công và các khoản có tính chất lương cho cán bộ, viên chức và người lao động hợp đồng của Quỹ; các khoản đóng góp theo lương; phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và các chức danh kiêm nhiệm khác; chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng; chi cước phí bưu chính, điện thoại, internet, fax; chi dịch vụ công cộng: xăng dầu, điện, nước, điện thoại, phí môi trường; chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong và ngoài tỉnh; chi thuê mướn; chi tổ chức hội thảo khoa học, tập huấn, hội nghị tổng kết, sơ kết của Quỹ; chi đoàn ra, đoàn vào; chi mua tài liệu, tư liệu, thông tin tuyên truyền, quảng bá, xây dựng và duy trì trang web phục vụ cho các hoạt động của Quỹ; chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, trang thiết bị văn phòng và các khoản chi thường xuyên khác theo chế độ quy định hiện hành.

2. Chi hoạt động nghiệp vụ Quỹ

- Chi tuyển chọn, xét chọn, thẩm định các nhiệm vụ KH&CN do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay; chi đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; chi đánh giá, kiểm tra hoạt động nâng cao năng lực khoa học công nghệ của tỉnh;

- Chi thuê chuyên gia tư vấn;

- Chi cho các hoạt động về thẩm định tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, thanh tra, kiểm tra thu hồi nợ đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng nguồn vốn của Quỹ;

- Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;

- Chi hoạt động tăng cường tiềm lực, nâng cao năng lực cho Quỹ; Chi tiền thuê trụ sở làm việc (nếu có);

- Các chi phí khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, cơ quan điều hành Quỹ.

3. Các khoản chi không thường xuyên: Chi đầu tư xây dựng cơ bản; chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản phục vụ cho hoạt động bộ máy Quỹ; chi tổ chức các hoạt động theo chức năng và các khoản chi không thường xuyên khác.

4. Mức chi:

a) Mức chi hoạt động, chi nghiệp vụ, chi quản lý thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và các chức danh kiêm nhiệm khác theo các quy định hiện hành;

c) Mức chi các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành của tỉnh Cao Bằng, của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Đối với một số nội dung chi, mức chi chưa được ban hành trong các quy định hiện hành, căn cứ nội dung về mức chi theo quy định tương tự, Giám đốc Quỹ đề xuất, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Chế độ quản lý chi tiêu:

a) Căn cứ dự toán hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt và các khoản thu hợp pháp của Quỹ, Quỹ được áp dụng quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Giám đốc Quỹ ban hành quy chế, định mức chi tiêu nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

Điều 17. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Đầu tư, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản bị hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định hiện hành. Khi thanh lý, nhượng bán, Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định hiện hành.

3. Số tiền trích khấu hao, số tiền thu được từ chênh lệch do thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 18. Phân phối thu nhập và trích lập Quỹ

1. Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ được trích lập các quỹ cho hoạt động như sau:

a) Trích tối thiểu 25% Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích lập Quỹ khen thưởng;

c) Trích Quỹ Phúc lợi;

d) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập.

2. Tỷ lệ trích các Quỹ và nội dung chi các Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 19. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ

1. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán, Quỹ lập Kế hoạch tài chính của Quỹ bao gồm các nội dung:

- Báo cáo số dư nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, kế hoạch thu hồi vốn, kế hoạch thu hồi lãi vay;

- Kế hoạch tài trợ, cho vay từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước và ngoài nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

- Kế hoạch chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ;

- Kế hoạch bổ sung vốn (bảo toàn vốn điều lệ) từ Ngân sách nhà nước.

2. Quỹ gửi Kế hoạch tài chính cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định và gửi cơ quan tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh.

3. Quỹ không lập dự toán cho các nguồn vốn được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Quy chế này (nguồn kinh phí này do Sở Khoa học và Công nghệ lập và trình UBND tỉnh phê duyệt).

Chương V

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THỐNG KÊ

Điều 20. Công tác tài chính, kế toán, quyết toán và thống kê

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, quyết toán ngân sách theo quy định của Luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Quỹ thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thống kê.

2. Quỹ được áp dụng chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi có liên quan để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.

3. Hàng năm Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính gửi Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan tài chính theo quy định.

Điều 21. Kiểm tra tài chính

1. Hàng năm Quỹ thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Quỹ thực hiện công khai tài chính và chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng thực hiện chức năng cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực

KH&CN tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định tài chính hiện hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng thực hiện chức năng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

3. Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng thực hiện chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng kiểm soát thanh toán các khoản chi từ Quỹ theo quy định hiện hành.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu thực hiện trong quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp, báo cáo thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh